

Số: 1073/QĐ-TLĐ

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung Quy định về công tác thống kê của
tổ chức Công đoàn ban hành kèm theo Quyết định số 1454/QĐ-TLĐ
ngày 28/11/2014 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam**

ĐOÀN CHỦ TỊCH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ- ĐCT ngày 22 tháng 11 năm 2000 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (khóa VIII) về “Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác thông tin, báo cáo trong hệ thống tổ chức Công đoàn”;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XII;
- Căn cứ thông báo số 99/TB-TLĐ ngày 23/6/2020 Kết luận Hội nghị lần thứ mười ba Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (khóa XII);
- Xét đề nghị của Văn phòng Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Sửa đổi khoản 1 Điều 9 Quy định về công tác thống kê của tổ chức Công đoàn ban hành kèm theo Quyết định số 1454/QĐ-TLĐ ngày 28/11/2014 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, như sau:

Điều 9. Hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ về hoạt động công đoàn

1. Hệ thống báo cáo thống kê định kỳ về hoạt động công đoàn gồm:

- Biểu mẫu “Báo cáo tổng hợp số liệu về hoạt động công đoàn” dành cho Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương và tương đương, Công đoàn Tổng Công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn.

- Biểu mẫu của công đoàn cơ sở, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở do LĐLĐ tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương và tương đương, Công đoàn Tổng Công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn hướng dẫn, đảm bảo phù hợp và đáp ứng các yêu cầu đặc thù của đơn vị.

Điều 2: Ban hành biểu mẫu báo cáo tổng hợp số liệu về hoạt động công đoàn dành cho công đoàn ngành, địa phương thay thế biểu mẫu thống kê định kỳ ban hành kèm theo Quyết định số 1454/QĐ-TLĐ ngày 28/11/2014 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.



Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng Tổng Liên đoàn, các Ban, đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn, các Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương và tương đương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC
Trần Thanh Hải (đã ký)

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TP HÀ NỘI

Số: 64/SL-LĐLĐ

Nơi nhận:

- Thường trực LĐLĐ Thành phố;
- Các Ban LĐLĐ thành phố Hà Nội;
- Công đoàn các cấp trong hệ thống Công đoàn Thủ đô;
- Lưu: VT

SAO LỤC

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2020

TL. BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Bá Châu



TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

LEED TỈNH, Thành phố.....

CHẤP HÀNH

BÁO CÁO TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1073/QĐ-TLĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I. Tình hình CNVCLĐ và việc thực hiện một số chính sách quan trọng đối với người lao động				
1.	Số DN nợ lương người lao động	DN		
	Số tiền lương DN nợ người lao động	triệu đồng		
2.	Số DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	DN		
	Số tiền DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	triệu đồng		
3.	Số vụ tranh chấp lao động tập thể, đình công đã xảy ra. Trong đó:	vụ		
	+ Doanh nghiệp nhà nước	vụ		
	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	“		
	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	“		
4.	Số vụ/số người bị tai nạn lao động. Trong đó:	vụ/người		
	+ Doanh nghiệp có công đoàn	“		
	+ Doanh nghiệp không có công đoàn	“		
	Số vụ tai nạn lao động chết người/số người chết. Trong đó:	vụ/người		
	+ Doanh nghiệp có công đoàn	“		
	+ Doanh nghiệp không có công đoàn	“		
5.	Số người mắc bệnh nghề nghiệp. Trong đó:	người		
	+ Số người mắc mới trong kỳ báo cáo	“		
6.	Số DN có thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên	DN		
	Số an toàn vệ sinh viên	người		
II Đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động				
7.	Số DN có thỏa ước lao động tập thể. Trong đó:	DN		Chi tiêu NQ ĐH XII
	+ Doanh nghiệp nhà nước	“		
	+ DN ngoài nhà nước	“		
	+ DN có vốn đầu tư nước ngoài	“		
8.	Tổng số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng tổ chức hội nghị CB,CC,VC	đơn vị		Chi tiêu NQ ĐH XII
	Số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng đã tổ chức hội nghị CB,CC,VC	“		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
9.	Số DN nhà nước đã tổ chức hội nghị NLD	DN		Ghi rõ số DN do ngành, địa phương quản lý trực tiếp
	Số DN ngoài khu vực NN đã tổ chức hội nghị NLD	“		
10.	Số DN nhà nước đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc. Trong đó:	DN		Chỉ tiêu NQ ĐH XII
	+ <i>Đối thoại định kỳ</i>	cuộc		
	+ <i>Đối thoại đột xuất</i>	“		
	Số DN ngoài khu vực nhà nước đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc. Trong đó:	DN		
	+ <i>Đối thoại định kỳ</i>	cuộc		
	+ <i>Đối thoại đột xuất</i>	“		
11.	Số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở. Trong đó:	đơn vị		Ghi rõ số CQ, DV, DN do ngành, địa phương quản lý trực tiếp
	+ <i>Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập</i>	đơn vị		
	+ <i>Doanh nghiệp nhà nước</i>	DN		
	+ <i>Doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước</i>	“		
12.	Số người được tư vấn pháp luật	lượt người		
13.	Số người được bảo vệ tại tòa án	người		
14.	Giám sát, phản biện xã hội theo Quyết định 217-QĐ/TW của Bộ Chính trị			
	+ <i>Số cuộc CĐ chủ trì giám sát</i>	cuộc		
	+ <i>Số cuộc CĐ tham gia giám sát</i>	“		
	+ <i>Số cuộc hội nghị phản biện</i>	“		
15.	Số đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn được công đoàn hỗ trợ, thăm hỏi	lượt người		
	Số tiền hỗ trợ, thăm hỏi	triệu đồng		
	Số đoàn viên, người lao động được thụ hưởng chương trình “Phúc lợi cho đoàn viên và người lao động”	lượt người		
	Số tiền hưởng lợi	triệu đồng		
16.	Quỹ xã hội công đoàn (do đoàn viên, NLD và các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ)			
	+ <i>Số tiền vận động được trong kỳ báo cáo</i>	triệu đồng		
	+ <i>Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà “Mái ấm CĐ”</i>	nhà		
	+ <i>Số tiền hỗ trợ xây mới, sửa chữa</i>	triệu đồng		
17.	Quỹ trợ vốn (chương trình, dự án tài chính vi mô)			
	+ <i>Số vốn cho vay trong kỳ báo cáo</i>	triệu đồng		
	+ <i>Số người được cho vay</i>	người		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
18.	Quỹ quốc gia về việc làm			
	+ Số vốn cho vay trong kỳ báo cáo	triệu đồng		
	+ Số người được cho vay	người		
III	Công tác thi đua			
	Số sáng kiến được công nhận	sáng kiến		
19.	Giá trị làm lợi	triệu đồng		
	Tiền thưởng sáng kiến	“		
	Số công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	CT, SP		
20.	Giá trị làm lợi từ các công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	triệu đồng		
21.	Số người đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”	người		
IV	Công tác tuyên truyền, giáo dục			
22.	Số đoàn viên, người lao động được học tập, tuyên truyền, phổ biến các Chỉ thị, NQ của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, các nghị quyết của Công đoàn	lượt người		
23.	Số đoàn viên, người lao động được tham gia hoạt động văn hoá, thể thao, hội diễn văn nghệ do công đoàn tổ chức	“		
24.	Số đoàn viên và người lao động được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	“		
V	Công tác nữ công			
25.	Số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở thành lập ban nữ công quần chúng	đơn vị		
26.	Số CĐCS khu vực HCSN, DNNN có từ 10 nữ đoàn viên trở lên. Trong đó:	CĐCS		
	+ Số BNC quần chúng đã thành lập đầu kỳ báo cáo	BNC		
	+ Số BNC quần chúng thành lập mới trong kỳ báo cáo	“		
27.	Số CĐCS ngoài khu vực nhà nước có từ 10 nữ đoàn viên trở lên. Trong đó:	CĐCS		
	+ Số BNC quần chúng đã thành lập đầu kỳ báo cáo	BNC		
	+ Số BNC quần chúng thành lập mới trong kỳ báo cáo	“		
28.	Tổng số ủy viên ban nữ công quần chúng. Trong đó:	người		
	+ Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	“		
	+ Công đoàn cơ sở khu vực HCSN và DNNN	“		
	+ CĐCS ngoài khu vực nhà nước	“		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
29.	Số người được khen thưởng phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, Trong đó:	người		
	+ Khu vực HCSN và DNNN	“		
	+ Ngoài khu vực nhà nước	“		
VI	Công tác kiểm tra			
30.	Số CD cấp trên trực tiếp cơ sở đã tổ chức thực hiện việc kiểm tra tài chính cùng cấp trong kỳ báo cáo	đơn vị		Chi tiêu NQ ĐH XII
VII	Công tác tổ chức			
31.	Tổng số CNVCLĐ	người		
32.	Tổng số đoàn viên công đoàn. Trong đó:	“		Chi tiêu NQ ĐH XII
	+ Tổng số đoàn viên kết nạp mới	“		
	+ Tổng số đoàn viên giảm	“		
	+ Tổng số đoàn viên tăng (giảm thực tế)	“		
33.	Tổng số công đoàn cơ sở. Trong đó:	CĐCS		
	+ Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	“		
	+ Doanh nghiệp nhà nước	“		
	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	“		
	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	“		
	+ Số nghiệp đoàn	“		
34.	Tổng số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	đơn vị		
35.	Số DN có 25 công nhân lao động trở lên. Trong đó:	DN		Chi tiêu NQ ĐH XII
	Số doanh nghiệp đã thành lập công đoàn cơ sở	“		
36.	Số cán bộ công đoàn chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ công đoàn	lượt người		
	Số cán bộ công đoàn không chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ công đoàn	“		
37.	Số đoàn viên công đoàn được CĐCS giới thiệu cho tổ chức Đảng xem xét, kết nạp	người		Chi tiêu NQ ĐH XII
	Số đoàn viên công đoàn được kết nạp vào Đảng	“		
38.	Số CD cấp trên trực tiếp cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	đơn vị		(Lấy số liệu năm trước kỳ báo cáo)
39.	Số CD cơ sở khu vực nhà nước hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	CĐCS		
	Số CD cơ sở ngoài khu vực nhà nước hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	“		

Ngày tháng năm 20...

TM. BAN THƯỜNG VỤ